

Bản án số: **36/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 06-6-2019

*V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Trang

2. Bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đoàn Thanh K, sinh năm 1978 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị M, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp 3 BB, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Đoàn Thanh K trình bày và yêu cầu như sau:*

Anh và chị Trần Thị M chung sống với nhau vào ngày 25 tháng 02 năm 1999, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N Y cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/9/2002. Quá trình chung sống anh và chị Trần Thị

M có 02 đứa con chung tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001 và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007, hiện nay anh đang nuôi dưỡng; anh và chị Trần Thị M chung sống không có tài sản chung, không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị. Thời gian chung sống anh và chị Trần Thị M thường xuyên cự cãi với nhau, nguyên nhân là anh đi biển, mỗi lần khoảng 02 đến 03 tháng mới về nhà 01 lần, chị Trần Thị M ở nhà chi tiêu tiền bạc không trung thực với anh, khi anh hỏi đến thì chị Trần Thị M kiểm chuyện cự cãi với anh nên vợ chồng sống không hạnh phúc, đến khoảng tháng 8 năm 2017 thì chị Trần Thị M bỏ nhà đi không sống chung với anh nữa, anh có điện thoại liên hệ kêu chị Trần Thị M về chung sống nhưng chị Trần Thị M không về mà sống ly thân với anh đến nay. Anh thấy anh và chị Trần Thị M không thể chung sống với nhau được nữa, anh yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân anh yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M; về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001 và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007, anh không yêu cầu chị Trần Thị M cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, anh và chị Trần Thị M không có tài sản chung, anh không yêu cầu giải quyết; về nợ, anh và chị Trần Thị M không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị, anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 24/01/2019, Đoàn Kim C trình bày:* Đoàn Kim C là con của anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M, hiện nay học lớp 12 tại Trường Trung học phổ thông xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Khi anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M ly hôn, Đoàn Kim C có nguyện vọng chung sống với cha là anh Đoàn Thanh K.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 24/01/2019, Đoàn Đăng Kh trình bày:* Đoàn Đăng Kh là con của anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M, hiện nay học lớp 6 tại Trường Trung học phổ thông xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Khi anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M ly hôn, Đoàn Đăng Kh có nguyện vọng chung sống với cha là anh Đoàn Thanh K.

** Bị đơn chị Trần Thị M:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị nhưng chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh K nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2019, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn trong việc chi tiêu tiền bạc trong gia đình, hôn nhân không hạnh phúc, từ khi anh chị ly thân đến nay anh K nuôi dưỡng 02 người con chung.

** Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:* Sổ hộ khẩu Đoàn Thanh K, Giấy chứng minh nhân dân Đoàn Thanh K, Giấy chứng nhận kết hôn, 02 Trích lục khai sinh Đoàn Kim C và Đoàn Đăng Kh, Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự ngày 28/11/2017, 02 Tờ trình bày nguyện vọng ngày 24/01/2019 của Đoàn Kim C và Đoàn Đăng Kh, Biên bản xác minh ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn anh Đoàn Thanh K yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001 và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Trần Thị M vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử, xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M chung sống với nhau vào năm 1999, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N Y cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh K yêu cầu được ly hôn với chị M là có căn cứ chấp nhận; về con chung, anh chị có được 02 đứa con chung tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001

và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007, khi ly hôn anh K yêu cầu được nuôi con, chị M không ý kiến gì, 02 người con của anh chị có nguyện vọng khi anh chị ly hôn được chung sống với cha là anh K nên đề nghị Hội đồng xét xử, giao 02 đứa con chung của anh chị cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, anh K không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét; về tài sản chung và nợ anh K xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Đoàn Thanh K yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị M và tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại ấp 3 BB, xã N Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị M nhưng chị M không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị M vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị M, nhưng chị M vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai anh K không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, anh K và chị M chung sống với nhau vào ngày 25/02/1999, đến ngày 18/9/2002 anh chị đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã N Y là nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 01/2002, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy định của pháp luật là quan hệ hôn nhân

hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của anh Đoàn Thanh K được ly hôn với chị Trần Thị M, thời gian anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị M sử dụng tiền bạc không trung thực với anh nên anh chị thường xuyên cự cãi với nhau, anh chị chung sống không hạnh phúc, đến khoảng tháng 8 năm 2017 chị M bỏ nhà đi sống ly thân với anh thì anh có điện thoại liên hệ kêu chị M về chung sống nhưng chị M không về mà sống ly thân với anh đến nay, anh thấy anh và chị M không thể hàn gắn với nhau được anh yêu cầu được ly hôn với chị M; chị M không có ý kiến và yêu cầu gì. Từ đó, hôn nhân của anh chị đã vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay anh K cương quyết yêu cầu được ly hôn với chị M. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của anh K, cho anh Đoàn Thanh K được ly hôn với chị Trần Thị M là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Đoàn Thanh K và chị Trần Thị M có 02 người con chung tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001 và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007, từ khi anh chị ly thân đến nay anh K trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của anh chị. Khi ly hôn anh K yêu cầu được nuôi các con chung, đồng thời các con của anh chị có nguyện vọng được chung sống với cha là anh K khi anh chị ly hôn; chị M không có ý kiến yêu cầu gì. Hội đồng xét xử thấy rằng, anh K yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung là phù hợp với nguyện vọng của Đoàn Kim C và Đoàn Đăng Kh các con anh chị và con của anh chị chung sống với anh K từ khi anh chị ly thân đến nay đã thích nghi với cuộc sống hiện tại. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh K và nguyện vọng của các con anh chị, giao các con của anh chị tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001 và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007 cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh K không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Đoàn Thanh K xác định anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh không yêu

cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Đoàn Thanh K được ly hôn với chị Trần Thị M.

2. Về quan hệ con chung: Giao các con chung của anh chị tên Đoàn Kim C, sinh ngày 26/8/2001 và Đoàn Đăng Kh, sinh ngày 08/01/2007 cho anh Đoàn Thanh K tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Đoàn Kim C và Đoàn Đăng Kh các con của anh chị, hiện nay Đoàn Kim C và Đoàn Đăng Kh đang chung sống với anh Đoàn Thanh K.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đoàn Thanh K không yêu cầu chị Trần Thị M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Đoàn Thanh K xác định anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Đoàn Thanh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm lý hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005961 ngày 28 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Đoàn Thanh K đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 06/6/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã N Y;
- Lưu: HSVA, VP (Sang).

Trần Văn Thảo